

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**CÔNG TY CỔ
PHẦN CẤP
NƯỚC CHỢ LỚN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=Quận 5,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ
LỚN, [®]
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:03047978
06

Date: 2021.03.24 09:18:28 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	06/6/2017	
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	27/4/2018	
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Quang Minh	Thành viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	06/6/2017	
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	06/6/2017	
Ban kiểm soát			
Bà Lại Thị Thu	Trưởng ban	06/6/2017	30/6/2020
Ông Hoàng Thanh Bình	Trưởng ban	30/6/2020	
Bà Dương Quỳnh Nga	Ủy viên	06/6/2017	04/9/2019
Bà Trương Thị Thanh Nhung	Ủy viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Ủy viên	23/12/2019	
Ban Giám đốc			
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	27/4/2018	
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	06/6/2017	15/3/2019
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	06/6/2017	22/4/2019
Ông Nguyễn Anh Kiệt	Phó Giám đốc	15/3/2019	
Bà Hồ Thị Kim Phượng	Phó Giám đốc	01/7/2019	
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	06/6/2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Huỳnh Tuấn Anh chức danh Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



HUỖNH TUẤN ANH - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

NGUYỄN NAM ANH - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4218-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214.504.567.754	142.349.937.835
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.485.599.074	64.195.166.006
1. Tiền	111		26.485.599.074	20.145.979.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	44.049.186.600
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	114.519.857.076	17.538.692.295
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		114.519.857.076	17.538.692.295
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.876.834.211	36.085.187.128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	44.149.624.806	30.247.394.591
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.492.427.321	6.974.169.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.013.101.467	2.191.987.615
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.778.319.383)	(3.328.364.228)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	15.864.354.999	17.620.798.911
Hàng tồn kho	141		15.864.354.999	17.620.798.911
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		9.757.922.394	6.910.093.495
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4.483.164.654	3.688.895.892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.274.757.740	3.221.197.603
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		277.202.910.220	276.513.706.643
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		8.292.634	8.292.634
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.292.634	8.292.634
II . Tài sản cố định	220		204.659.356.110	206.393.165.553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	203.793.970.107	205.384.093.362
Nguyên giá	222		793.896.356.043	755.413.510.123
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(590.102.385.936)	(550.029.416.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	865.386.003	1.009.072.191
Nguyên giá	228		6.666.544.666	6.273.444.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.801.158.663)	(5.264.372.475)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	4.636.581.341	6.167.635.291
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.636.581.341	6.167.635.291
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		67.890.350.135	63.936.283.165
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	67.890.350.135	63.936.283.165
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		491.707.477.974	418.863.644.478

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		266.401.398.836	198.520.414.182
I. Nợ ngắn hạn	310		211.404.787.348	150.968.168.281
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	130.724.031.035	91.304.142.779
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	17.139.942.616	8.970.627.662
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.099.174.000	14.425.267.719
4. Phải trả người lao động	314		22.870.974.366	10.305.303.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.804.085.758	9.971.429.682
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	5.028.294.609	5.852.225.839
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	7.993.845.921	5.615.559.054
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	6.744.439.043	4.523.612.323
II. Nợ dài hạn	330		54.996.611.488	47.552.245.901
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	10.630.692.497	14.383.187.136
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	44.299.870.692	31.933.564.311
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	66.048.299	1.235.494.454
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.306.079.138	220.343.230.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	225.306.079.138	220.343.230.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.000.000.000	130.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.849.723.527
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.456.355.611	26.493.506.769
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.500.913.720	942.434.827
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.955.441.891	25.551.071.942
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		491.707.477.974	418.863.644.478

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.177.743.359.088	1.067.925.326.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.177.330.261	835.327.561
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.176.566.028.827	1.067.089.998.965
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.071.284.262.816	972.801.343.889
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.281.766.011	94.288.655.076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.320.629.460	4.764.373.547
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.207.047.809	2.827.285.938
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.207.047.809	2.827.285.938
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	24.900.621.186	20.761.677.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	49.412.908.738	43.980.205.077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.081.817.738	31.483.860.150
11. Thu nhập khác	31		704.286.296	6.497.028.778
12. Chi phí khác	32		601.629.480	3.315.239.239
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	102.656.816	3.181.789.539
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.184.474.554	34.665.649.689
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	7.398.478.818	10.691.929.758
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	(1.169.446.155)	(1.577.352.011)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.955.441.891	25.551.071.942
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	1.394	1.247
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	1.394	1.247

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.184.474.554	34.665.649.689
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		45.639.073.407	47.041.617.343
- Các khoản dự phòng	03		1.449.955.155	1.113.628.459
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.409.149.963)	(4.271.478.356)
- Chi phí lãi vay	06		3.207.047.809	2.827.285.938
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78.071.400.962	81.376.703.073
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.698.264.611)	(11.926.458.974)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.756.443.912	(1.325.473.124)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		45.165.708.983	(11.466.699.401)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.748.335.732)	(5.082.290.857)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.339.634.364)	(2.536.403.404)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.915.659.903)	(8.483.513.402)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		13.220.000	54.915.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.134.986.325)	(4.346.962.597)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.169.892.922	36.263.816.314
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.967.915.949,90)	(42.875.407.566)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		213.636.364	110.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(210.719.997.760)	(76.518.979.328)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		113.738.832.979	109.577.040.267
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.723.731.696	5.123.679.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.011.712.671)	(4.583.666.668)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		20.283.473.248	15.266.862.379
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.538.880.000)	(4.909.880.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.612.340.431)	(10.304.269.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.132.252.817	52.712.834
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(37.709.566.932)	31.732.862.480
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.195.166.006	32.462.303.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	26.485.599.074	64.195.166.006

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 3 9552 354

Fax : (84-28) 3 9550 424

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 459 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 461 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận lại, các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Thuyết minh này là một phần hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay Công ty đã hết được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.768.754	42.501.581
Tiền gửi ngân hàng	26.481.830.320	20.103.477.825
Các khoản tương đương tiền	-	44.049.186.600
Cộng	26.485.599.074	64.195.166.006

2. Đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn (i)	114.519.857.076	114.519.857.076	17.538.692.295	17.538.692.295
Tiền gửi có kỳ hạn	114.519.857.076	114.519.857.076	17.538.692.295	17.538.692.295
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	85.811.250.116	85.811.250.116	17.538.692.295	17.538.692.295
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	28.708.606.960	28.708.606.960	-	-
b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Cộng	114.528.187.076	114.528.187.076	17.547.022.295	17.547.022.295

- (i) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn với lãi suất từ 6% - 6,5% năm và Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam với lãi suất từ 4,1% - 4,6%/ năm

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	12.316.959.482	-	8.744.552.186	-
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	31.550.380.342	4.778.319.383	21.190.903.200	3.328.364.228
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	282.284.982	-	311.939.205	-
Cộng	44.149.624.806	4.778.319.383	30.247.394.591	3.328.364.228

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	12.316.959.482	-	8.744.552.186	-
Cộng	12.316.959.482	-	8.744.552.186	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	-	2.709.245.435
Công ty TNHH XD Hồng Đăng	391.328.584	245.594.474
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	65.430.760	54.020.108
Công ty TNHH Bảo Phú Nam	465.275.344	1.048.734.055
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	685.924.137	-
Công ty TNHH MTV CN Đồng Tâm Đồng Tiến	542.425.138	1.466.683.269
Cty TNHH Sản Xuất & XD Nhân Việt	534.837.377	-
Các khách hàng khác	807.205.981	1.449.891.809
Cộng	3.492.427.321	6.974.169.150

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	65.430.760	54.020.108
Cộng	65.430.760	54.020.108

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	5.013.101.467	-	2.191.987.615	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	2.575.112.457	-	1.297.847.135	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.179.061.126	-	582.163.362	-
Phải thu khác	258.927.884	-	273.837.118	-
Tạm ứng	-	-	38.140.000	-
b) Phải thu dài hạn khác	8.292.634	-	8.292.634	-
Ký quỹ dài hạn	8.292.634	-	8.292.634	-
Cộng	5.021.394.101	-	2.200.280.249	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	6.911.352.435	2.133.033.052	4.778.319.383	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228
Cộng	6.911.352.435	2.133.033.052	4.778.319.383	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.328.364.228	2.214.735.769
Trích lập dự phòng trong năm	7.201.392.119	3.328.364.228
Hoàn nhập dự phòng trong năm	5.751.436.964	2.214.735.769
Số cuối năm	4.778.319.383	3.328.364.228

Thuyết minh thông tin về các khoản nợ xấu

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.864.354.999	-	17.493.017.666	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	127.781.245	-
Cộng	15.864.354.999	-	17.620.798.911	-

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	4.483.164.654	3.688.895.892
Công cụ dụng cụ	2.650.136.654	1.932.495.892
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	1.750.000.000	1.756.400.000
Chi phí dịch vụ khác	83.028.000	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	67.890.350.135	63.936.283.165
Chi phí sửa chữa văn phòng	737.645.342	464.402.951
Gắn đồng hồ nước theo ND 117	16.635.417.917	30.119.000.581
Thay đồng hồ nước	41.833.329.689	26.768.665.962
Chi phí CTOM, thay đồng hồ tổng	-	530.271.111
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	8.683.957.187	6.053.942.560
Cộng	72.373.514.789	67.625.179.057

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.216.148.586	1.478.337.878	705.694.938.800	19.024.084.859	755.413.510.123
Tăng trong năm	-	3.779.541.437	38.107.660.315	1.911.511.636	43.798.713.388
Mua trong năm	-	3.779.541.437	1.484.239.191	1.911.511.636	7.175.292.264
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	36.623.421.124	-	36.623.421.124
Giảm trong năm	-	123.358.000	3.348.117.688	1.844.391.780	5.315.867.468
Thanh lý, nhượng bán	-	123.358.000	3.186.684.125	1.844.391.780	5.154.433.905
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	161.433.563	-	161.433.563
Số cuối năm	29.216.148.586	5.134.521.315	740.454.481.427	19.091.204.715	793.896.356.043
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	2.330.139.218	893.846.076	530.398.697.059	16.406.734.408	550.029.416.761
Tăng trong năm	585.530.484	747.197.291	41.941.276.042	1.828.283.402	45.102.287.219
Khấu hao trong năm	585.530.484	747.197.291	41.941.276.042	1.828.283.402	45.102.287.219
Giảm trong năm	-	123.358.000	3.186.684.125	1.719.275.919	5.029.318.044
Thanh lý, nhượng bán	-	123.358.000	3.186.684.125	1.719.275.919	5.029.318.044
Số cuối năm	2.915.669.702	1.517.685.367	569.153.288.976	16.515.741.891	590.102.385.936
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.886.009.368	584.491.802	175.296.241.741	2.617.350.451	205.384.093.362
Số cuối năm	26.300.478.884	3.616.835.948	171.301.192.451	2.575.462.824	203.793.970.107
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
Số đầu năm	-	712.966.486	308.422.998.231	10.925.576.819	320.061.541.536
Số cuối năm	-	623.466.486	341.795.798.335	13.216.435.029	355.635.699.850

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm Quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ vô hình</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	6.273.444.666	6.273.444.666
Tăng trong năm	393.100.000	393.100.000
<i>Mua trong năm</i>	<i>393.100.000</i>	<i>393.100.000</i>
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	6.666.544.666	6.666.544.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	5.264.372.475	5.264.372.475
Tăng trong năm	536.786.188	536.786.188
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>536.786.188</i>	<i>536.786.188</i>
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	5.801.158.663	5.801.158.663
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.009.072.191	1.009.072.191
Số cuối năm	865.386.003	865.386.003
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
Số đầu năm	4.581.186.666	4.581.186.666
Số cuối năm	5.074.186.666	5.074.186.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	579.956.843	546.934.061
Công trình chống thất thoát nước	695.022.283	375.375.003
Công trình cải tạo ống mục	1.674.337.290	1.394.041.948
Công trình đầu tư ống cái	218.721.998	1.194.872.728
Công trình phát triển mạng lưới	1.468.542.927	2.656.411.551
Cộng	4.636.581.341	6.167.635.291

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	123.215.656.252	123.215.656.252	84.226.174.885	84.226.174.885
Công ty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	1.003.194.321	1.003.194.321	1.005.709.682	1.005.709.682
Công ty CP Công nghệ Bách Việt	1.780.014.500	1.780.014.500	4.312.000	4.312.000
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	1.018.299.894	1.018.299.894	2.476.980.000	2.476.980.000
Công ty TNHH ĐTXD CTN & Môi Trường WASEEN	1.321.011.627	1.321.011.627	-	-
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	91.594.012	91.594.012	-	-
Nhà cung cấp khác	2.294.260.429	2.294.260.429	3.590.966.212	3.590.966.212
Cộng	130.724.031.035	130.724.031.035	91.304.142.779	91.304.142.779

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	123.215.656.252	123.215.656.252	84.226.174.885	84.226.174.885
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	91.594.012	91.594.012	-	-
Cộng	123.307.250.264	123.307.250.264	84.226.174.885	84.226.174.885

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	59.511.043	47.393.390
Tiền nước chưa giải trách	14.702.849.459	8.923.190.272
Các khách hàng khác	2.377.582.114	44.000
Cộng	17.139.942.616	8.970.627.662

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng nội địa	-	2.910.106.147	2.910.106.147	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.506.080.217	7.398.478.818	8.915.659.903	1.988.899.132
Thuế thu nhập cá nhân	612.834.811	2.609.793.360	3.010.027.232	212.600.939
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	1.180.468.800	1.180.468.800	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	10.306.352.691	111.202.328.621	109.611.007.383	11.897.673.929
Cộng	14.425.267.719	125.304.175.746	125.630.269.465	14.099.174.000

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	1.114.023.741	774.083.078
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	661.041.904	2.969.191.161
Trích trước chi phí sửa bể, TLMĐ sửa bể, nâng dờn đồng hồ nước	4.059.933.951	4.654.266.498
Trích trước chi phí gắn ống cái	-	642.133.388
Thù lao Hội đồng quản trị	216.178.695	197.500.000
Chi phí Lãi vay	440.715.666	573.302.221
Chi phí khác	312.191.801	160.953.336
Cộng	6.804.085.758	9.971.429.682

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	5.028.294.609	5.852.225.839
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	30.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.196.194	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.753.557.856	4.303.310.659
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	-	5.396.032
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.198.568.759	1.160.909.190
Các khoản phải trả khác	36.971.800	303.222.820
b) Phải trả dài hạn khác	10.630.692.497	14.383.187.136
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	10.630.692.497	14.383.187.136
Cộng	15.658.987.106	20.235.412.975
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	30.000.000	70.000.000
Cộng	30.000.000	70.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Kết chuyển nợ dài hạn	Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.615.559.054	5.615.559.054	-	5.538.880.000	7.917.166.867	7.993.845.921	7.993.845.921
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả (i)	5.615.559.054	5.615.559.054	-	5.538.880.000	5.462.200.946	5.538.880.000	5.538.880.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	-	-	-	-	2.454.965.921	2.454.965.921	2.454.965.921
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.933.564.311	31.933.564.311	20.283.473.248	-	(7.917.166.867)	44.299.870.692	44.299.870.692
Ngân hàng NN&PTNT (i)	29.096.439.312	29.096.439.312	-	-	(5.462.200.946)	23.634.238.366	23.634.238.366
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	2.837.124.999	2.837.124.999	20.283.473.248	-	(2.454.965.921)	20.665.632.326	20.665.632.326
Cộng	37.549.123.365	37.549.123.365	20.283.473.248	5.538.880.000	-	52.293.716.613	52.293.716.613

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn :

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/1, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một phần hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành

<i>Hợp đồng tín dụng</i>	: <i>Số 0017/TD3.TC/19CD ngày 01 ngày 10 tháng 2019.</i>
Số tiền cho vay	: 38.000.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/ kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 26 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư dự án thay mới ống mục tại địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

<i>Hợp đồng tín dụng</i>	: <i>Số 0002/TD3.TC/20CD ngày 08 ngày 6 tháng 2020.</i>
Số tiền cho vay	: 1.339.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 9,2%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/ kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 30 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 4, 5, 8, 9, 10 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

<i>Hợp đồng tín dụng</i>	: <i>Số 0004/TD3.TC/20CD ngày 12 ngày 8 tháng 2020.</i>
Số tiền cho vay	: 4.343.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 9,2%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/ kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 30 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 16 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

<i>Hợp đồng tín dụng</i>	: <i>Số 0006/TD3.TC/20CD ngày 21 ngày 12 tháng 2020.</i>
Số tiền cho vay	: 1.310.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 8,2%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 30 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 16 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh (Đợt 2) do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 16 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh (Đợt 2) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0681/2020/STN-HĐTC ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	7.993.845.921	5.615.559.054
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	32.385.745.667	23.382.384.864
Sau 5 năm	11.914.125.025	8.551.179.447
Cộng	52.293.716.613	37.549.123.365
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(7.993.845.921)	(5.615.559.054)
Số phải trả sau 12 tháng	44.299.870.692	31.933.564.311

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng/ (Giảm) khác	Tại ngày 31 tháng 12
Năm trước					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	2.800.000.000	3.015.758.333	388.590.000	1.861.568.201
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	2.400.000.000	1.791.704.264	463.325.000	2.587.560.396
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	336.500.000	-	(336.500.000)	74.483.726
Cộng	3.279.159.920	5.536.500.000	4.807.462.597	515.415.000	4.523.612.323
Năm nay					
Quỹ khen thưởng	1.861.568.201	4.138.666.746	3.671.389.000	713.220.000	3.042.065.947
Quỹ phúc lợi	2.587.560.396	4.842.147.899	3.101.818.925	(700.000.000)	3.627.889.370
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	361.778.400	361.778.400	-	74.483.726
Cộng	4.523.612.323	9.342.593.045	7.134.986.325	13.220.000	6.744.439.043

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Chi phí trả trước dài hạn
Số đầu năm trước	2.812.846.465
Hoàn nhập vào lợi nhuận (lỗ) trong năm trước	(1.577.352.011)
Số cuối năm trước/ đầu năm nay	1.235.494.454
Hoàn nhập vào lợi nhuận (lỗ) trong năm nay	(1.169.446.155)
Số cuối năm nay	66.048.299

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
Lãi trong năm trước	-	-	25.551.071.942	25.551.071.942
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.536.500.000)	(5.536.500.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
Số cuối năm trước	130.000.000.000	63.849.723.527	26.493.506.769	220.343.230.296
Số đầu năm nay	130.000.000.000	63.849.723.527	26.493.506.769	220.343.230.296
Lãi trong năm nay	-	-	27.955.441.891	27.955.441.891
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.342.593.049)	(9.342.593.049)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(13.650.000.000)	(13.650.000.000)
Số cuối năm nay	130.000.000.000	63.849.723.527	31.456.355.611	225.306.079.138

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức cho các cổ đông	13.650.000.000	10.400.000.000
Trích quỹ khen thưởng	4.138.666.746	2.800.000.000
Trích quỹ phúc lợi	4.842.147.899	2.400.000.000
Quỹ thưởng ban điều hành	361.778.400	336.500.000
Cộng	22.992.593.045	15.936.500.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp nước	1.156.053.259.159	1.041.315.360.692
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.512.769.668	25.774.638.273
Cộng	1.176.566.028.827	1.067.089.998.965
Trong đó doanh thu đối với Bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	4.864.768.958	5.291.121.555
Cộng	4.864.768.958	5.291.121.555

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước	1.058.549.485.484	957.022.830.482
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.734.777.333	15.778.513.407
Cộng	1.071.284.262.816	972.801.343.889

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.277.904.505	4.714.522.239
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.724.955	49.851.308
Cộng	6.320.629.460	4.764.373.547

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	3.207.047.809	2.827.285.938
Cộng	3.207.047.809	2.827.285.938

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	20.122.090.219	17.463.386.984
Chi phí công cụ, dụng cụ	582.024.942	621.279.947
Chi phí khấu hao	1.817.918.358	780.506.178
Chi phí bằng tiền khác	2.378.587.667	1.896.504.349
Cộng	24.900.621.186	20.761.677.458

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	23.948.004.028	21.868.319.716
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.086.650.267	2.326.354.247
Chi phí khấu hao	2.950.600.073	3.478.815.001
Thuế, phí và lệ phí	141.686.909	240.309.367
Thuê đất	1.183.468.800	1.183.468.800
Chi phí dự phòng giảm giá	1.449.955.155	1.113.628.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.750.000	141.358.760
Chi phí bằng tiền khác	17.567.793.506	13.627.950.727
Cộng	49.412.908.738	43.980.205.077

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	704.286.296	6.497.028.778
Thu nhập nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	-	24.830.636
Thu nhập nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	39.273.133	-
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	2.400.000	909.091
Thu nhập khách hàng đầu tư ổng cái không hoàn lại	-	1.801.867.414
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	40.450.000	15.468.000
Phí bảo vệ môi trường 1% giữ lại	515.247.028	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	106.916.135	4.653.953.637
Chi phí khác	601.629.480	3.315.239.239
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	-	29.301.895
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	8.000.000	2.003.278
Nộp thuế chậm nộp	-	876.243.922
Chi phí hồ sơ mời thầu	110.171.458	76.839.709
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ổng cái	(79.625.303)	1.398.012.533
Phí bảo vệ môi trường 1% giữ lại	510.800.343	-
Chi phí khác	52.282.982	932.837.902
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	102.656.816	3.181.789.539
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	34.184.474.554	34.665.649.689
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	21.278.810.710	21.114.431.990
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	12.905.663.843	13.551.217.699
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.029.259.177	9.429.411.743
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.562.354.609)	(6.527.249.661)
Chênh lệch tạm thời khoản chi phí trả trước	(6.562.354.609)	(8.926.409.761)
Thu nhập không chịu thuế khác	-	2.399.160.100
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	466.904.568	2.902.162.082
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ	-	-
Chi phí phạt nộp chậm, truy thu thuế	19.789.947	1.529.819.813
Chi phí không liên qua hoạt động sản xuất kinh doanh	-	887.613.204
Lương HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	447.114.621	484.729.065
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	30%	22%
Thu nhập chịu thuế	41.213.733.731	44.095.061.432
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	8.442.679.285	6.793.900.022
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	19.865.390.603	23.749.943.711
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	12.905.663.843	13.551.217.699
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.398.478.818	8.139.622.284
- Thuế tăng/ giảm theo Quyết định thanh tra	-	2.552.307.474
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.398.478.818	10.691.929.758

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo Biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2018, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm nay Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước. Chỉ còn được hưởng thuế suất 10%.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.955.441.891	25.551.071.942
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.838.162.338)	(9.342.593.045)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.117.279.553	16.208.478.897
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.394	1.247

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.955.441.891	25.551.071.942
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.838.162.338)	(9.342.593.045)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.117.279.553	16.208.478.897
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	18.117.279.553	16.208.478.897
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.394	1.247

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nước sạch	824.715.615.544	732.425.743.698
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.139.447.126	11.446.135.459
Chi phí nhân công	131.585.301.467	119.193.942.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.639.073.406	46.524.701.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.515.109.604	60.248.635.543
Chi phí khác bằng tiền	72.875.464.346	67.704.067.288
Cộng	1.145.470.011.493	1.037.543.226.424

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong năm chưa thanh toán	9.017.957.215	-
Cổ tức chưa thanh toán	1.198.568.759	1.160.909.190
Lãi vay chưa thanh toán	440.715.666	573.302.221
Lãi tiền gửi còn dự thu	2.179.061.126	582.163.362

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối năm trước đã thu trong năm nay	582.163.362	941.469.774
Cổ tức năm trước được chi trả trong năm nay	1.160.909.190	1.065.178.735
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	-	22.428.978.092
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong năm nay	-	2.555.816.179

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh
Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	824.715.615.544	732.425.743.697
Mua vật tư	-	3.605.917.000
Thuê tài sản hoạt động	43.947.316.098	46.620.684.816
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	99.345.454	38.181.818
Phải thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	4.864.768.955	5.291.121.555
 Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XDCT, gia công đồng hồ nước, giám sát công trình	88.179.037	255.105.590
 Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả Xây dựng cơ bản	622.596.657	66.190.320

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
CN Cấp nước Tân hòa		
Phải trả cung cấp dịch vụ dò, sửa bể	-	199.401.818
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè		
Phải trả cung cấp dịch vụ	-	6.609.090
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	12.316.959.482	8.744.552.186
Phải trả thương mại	(123.215.656.252)	(84.226.174.885)
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(30.000.000)	(70.000.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình	65.430.760	54.020.108
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả xây dựng cơ bản	(91.594.012)	-

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

Đối tượng	Chức danh	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	519.928.246	579.032.004
	Giám đốc - thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Huỳnh Tuấn Anh	đồng quản trị	560.373.718	636.063.590
Ông Trần Văn Châu	Thành viên Hội đồng quản trị	72.727.272	68.571.429
Ông Trần Quang Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	72.727.272	68.571.429
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	72.727.272	68.571.429
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	72.727.272	68.571.429
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên Hội đồng quản trị	72.727.272	68.571.429
Ông Nguyễn Anh Kiệt	Phó Giám đốc	423.588.601	373.811.928
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	-	172.921.752
Bà Hồ Kim Phụng	Phó Giám đốc	423.588.601	249.843.890
Bà Lại Thị Thu	Trưởng Ban Kiểm soát	212.642.447	496.569.242

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối tượng	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Hoàng Thanh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát	210.946.154	-
Bà Dương Quỳnh Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	-	22.857.143
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	36.363.636	-
Bà Trương Thị Thanh Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát	36.363.636	34.285.714
Bà Lê Thị Kim Xuyên	Thành viên Ban Kiểm soát	36.363.636	34.285.714
Bà Nguyễn Ngọc Lương	Thành viên Ban Kiểm soát	36.363.636	34.285.714
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	412.841.329	471.471.880
Cộng		3.273.000.000	3.448.285.716

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17a và V.17b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay	52.293.716.613	37.549.123.365
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(26.485.599.074)	(64.195.166.006)
Nợ thuần	25.808.117.539	(26.646.042.641)
Vốn chủ sở hữu	225.306.079.138	220.343.230.296
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,11	(0,12)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.485.599.074	26.485.599.074	64.195.166.006	64.195.166.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	114.528.187.076	114.528.187.076	17.547.022.295	17.547.022.295
Phải thu của khách hàng	39.371.305.423	34.592.986.040	26.919.030.363	23.590.666.135
Phải thu khác	2.187.353.760	2.187.353.760	590.455.996	590.455.996
Cộng	182.572.445.333	177.794.125.950	109.251.674.660	105.923.310.432

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	130.724.031.035	130.724.031.035	91.304.142.779	91.304.142.779
Chi phí phải trả	6.804.085.758	6.804.085.758	9.971.429.682	9.971.429.682
Phải trả khác	15.649.790.912	15.649.790.912	20.220.629.805	20.220.629.805
Các khoản vay	52.293.716.613	52.293.716.613	37.549.123.365	37.549.123.365
Cộng	205.471.624.318	205.471.624.318	159.045.325.631	159.045.325.631

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mức tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.485.599.074	-	-	26.485.599.074
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	114.519.857.076	8.330.000	-	114.528.187.076
Phải thu của khách hàng	39.371.305.423	-	-	39.371.305.423
Phải thu khác	2.179.061.126	8.292.634	-	2.187.353.760
Cộng	182.555.822.699	16.622.634	-	182.572.445.333
Phải trả cho người bán	130.724.031.035	-	-	130.724.031.035
Chi phí phải trả	6.804.085.758	-	-	6.804.085.758
Phải trả khác	5.019.098.415	10.630.692.497	-	15.649.790.912
Các khoản vay	7.993.845.921	32.385.745.667	11.914.125.025	52.293.716.613
Cộng	150.541.061.129	43.016.438.164	11.914.125.025	205.471.624.318
Chênh lệch thanh khoản thuần	32.014.761.570	(42.999.815.530)	(11.914.125.025)	(22.899.178.985)
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.195.166.006	-	-	64.195.166.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.538.692.295	8.330.000	-	17.547.022.295
Phải thu của khách hàng	26.919.030.363	-	-	26.919.030.363
Phải thu khác	582.163.362	8.292.634	-	590.455.996
Cộng	109.235.052.026	16.622.634	-	109.251.674.660
Phải trả cho người bán	91.304.142.779	-	-	91.304.142.779
Chi phí phải trả	9.971.429.682	-	-	9.971.429.682
Phải trả khác	5.837.442.669	14.383.187.136	-	20.220.629.805
Các khoản vay	5.615.559.054	23.382.384.864	8.551.179.447	37.549.123.365
Cộng	112.728.574.184	37.765.572.000	8.551.179.447	159.045.325.631
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.493.522.158)	(37.748.949.366)	(8.551.179.447)	(49.793.650.971)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Ngày 30/11/2020 Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV đã ký Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2019 của Công ty, theo đó một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được phân loại và điều chỉnh hồi tố lại trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Đã được trình bày lại)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.183.490.778	(15.855.487)	6.167.635.291
Phải trả người bán ngắn hạn	91.386.763.201	(82.620.422)	91.304.142.779
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.161.719.853	(1.191.092.191)	8.970.627.662
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.550.039.289	875.228.430	14.425.267.719
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.711.847.966	(740.418.284)	9.971.429.682
Phải trả ngắn hạn khác	8.230.092.579	(2.377.866.740)	5.852.225.839
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.992.593.049	3.500.913.720	26.493.506.769

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Đã được trình bày lại)
Thu nhập khác	2.120.886.628	4.376.142.150	6.497.028.778
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.816.701.328	875.228.430	10.691.929.758
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.108	139	1.247
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.108	139	1.247

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Đã được trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	30.289.507.539	4.376.142.150	34.665.649.689
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(7.090.557.251)	(4.376.142.150)	(11.466.699.401)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc



Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2020 SAU KIỂM TOÁN

Theo thông báo kết quả kiểm toán số 663/TB-KV IV ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Đoàn kiểm toán nhà nước. Trong đó, đoàn KTNN đã có điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

Thu nhập khác tăng do:

- Kết chuyển các khoản công nợ phải trả khách hàng tồn đọng nhiều năm nhưng không xác định được đối tượng nợ theo Công văn đề nghị số 1612/CNCL-KTTC ngày 19/11/2020 của Công ty CP Cấp nước Chợ Lớn
- Kết chuyển thu nhập khác chi phí trích thừa (trong đó: Chi phí tài lập mặt đường 570.512.174 đồng, chi phí sửa chữa và gắn đồng hồ nước 154.050.623 đồng)
- Kết chuyển thu nhập khác các khoản đền bù di dời Hệ thống cấp nước 1.583.131.061 đồng (Khu QLGT Đô thị số 1 - Dự án Xây dựng mới Cầu Bà Hom)

Với các điều chỉnh nêu trên đã làm ảnh hưởng đến doanh thu năm 2019 như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	31/12/2019	31/12/2019	31/12/2019
	(Đã báo cáo trước)	Điều chỉnh	(Sau điều chỉnh)
Thu nhập khác	2.120.886.628	4.376.142.150	6.497.028.778
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.289.507.539	4.376.142.150	34.665.649.689
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.816.701.328	875.228.430	10.691.929.758

Theo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của năm 2020 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước	1.156.053.259.159	1.041.315.360.692	114.737.898.467	111,02%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gồm:	20.512.769.668	25.774.638.273	(5.261.868.605)	79,59%
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	4.864.768.955	5.291.121.555	(426.352.600)	91,94%
Doanh thu chuyển nhượng vật tư	3.202.727.272	1.400.622.727	1.802.104.545	228,66%
Doanh thu dịch vụ ĐHN	12.445.273.441	19.082.893.991	(6.637.620.550)	65,22%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.176.566.028.827	1.067.089.998.965	109.476.029.862	110,26%

b. Thuyết minh

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 cao hơn năm 2019 là 109.476.029.862 đồng, tỷ lệ tăng 110,26% do:

1. Doanh thu nước năm 2020 cao hơn năm 2019 là 114.737.898.467 đồng, tỷ lệ tăng 111,02% do:

Sản lượng nước cung cấp năm 2020 tăng so với năm 2019 là 1.183.369 m³, tỷ lệ tăng 101,1% làm cho doanh thu nước tăng 12.544.634.991 đồng.

Giá bán bình quân năm 2020 tăng so với năm 2019 là 1027,82 đồng/m³, tỷ lệ tăng 110,74%, làm cho doanh thu tăng thêm 110.677.884.939 đồng

Doanh thu truy thu tiền nước gian lận, điều chỉnh giảm và hoàn tiền nước năm 2020 thấp hơn năm 2019 là 8.484.621.463 đồng, tỷ lệ giảm 99,81%

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2020 giảm so với năm 2019 là 5.261.868.605 đồng, tỷ lệ giảm 20,41%

Doanh thu cho thuê TCSĐ huyện Bình Chánh năm 2020 giảm 426.352.600 đồng so với năm 2019, tỷ lệ giảm 8,06%.

Doanh thu chuyển nhượng và thanh lý vật tư trong năm 2020 cao hơn năm 2019 là 1.802.104.545 đồng, tỷ lệ tăng 228,66%

Doanh thu cung cấp dịch vụ ĐHN năm 2020 giảm so với năm 2019 là 6.637.620.550 đồng, tỷ lệ giảm là 34,78%.

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	1.058.549.485.484	957.022.830.480	101.526.655.004	110,61%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ gồm:	12.734.777.332	15.778.513.409	(3.043.736.077)	80,71%
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.554.583.684	11.240.413.495	(2.685.829.811)	76,11%
Chi phí chuyển nhượng vật tư	312.807.804	572.702.973	(259.895.169)	54,62%
Chi phí KHTSCĐ cho thuê TSCĐ H.BC	3.867.385.844	3.965.396.941	(98.011.097)	97,53%
Cộng	1.071.284.262.816	972.801.343.889	98.482.918.927	110,12%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nước sạch	824.715.615.544	732.425.743.698	92.289.871.846	112,60%
Chi phí vật liệu	4.356.980.413	4.277.459.414	79.520.999	101,86%
Chi phí nhân công	87.427.509.666	79.862.236.091	7.565.273.575	109,47%
Chi phí khấu hao tài sản	37.003.169.131	38.299.983.525	(1.296.814.394)	96,61%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	43.947.316.098	46.620.684.816	(2.673.368.718)	94,27%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	41.224.406.480	37.102.732.036	4.121.674.444	111,11%
Chi phí chống thất thoát nước	5.755.442.668	7.846.417.700	(2.090.975.032)	73,35%
Chi phí sửa bể	12.770.597.119	8.993.408.772	3.777.188.347	142,00%
Chi phí khác	1.348.448.365	1.594.164.430	(245.716.063)	84,59%
Tổng chi phí sản xuất	1.058.549.485.484	957.022.830.480	101.526.655.004	110,61%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ		-	-	
Giá vốn đã cung cấp	1.058.549.485.484	957.022.830.480	101.526.655.004	110,61%

b. Thuyết minh

Giá vốn hàng bán trong năm 2020 tăng so với năm 2019 là 98.482.918.927 đồng, tỷ lệ tăng 110,12% trong đó:

1. Giá vốn nước trong năm 2020 cao hơn năm 2019 là 101.526.655.004 đồng, tỷ lệ tăng 110,61% do:

- Chi phí mua sỉ nước sạch tăng 92.289.871.846 đồng, tỷ lệ tăng 112,6% do:

+ Sản lượng nước mua sỉ năm 2020 giảm so với năm 2019 là 5.295.045 m3 tỷ lệ giảm 3,73% làm giá mua sỉ giảm 31.917.313.400 đồng

+ Giá mua sỉ nước sạch tăng 873,99 đồng/m3, tỷ lệ tăng 116,96% làm cho chi phí mua sỉ nước sạch tăng tương ứng 124.207.185.246 đồng

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác phục vụ công tác sửa bể, chống thất thoát nước biến động không đáng kể so với năm 2019

- Chi phí nhân công năm 2020 cao hơn năm 2019 là 7.565.273.578 đồng, tỷ lệ tăng 109,47%, tăng do tiền lương thực hiện năm 2020 cao hơn tiền lương thực hiện năm 2019, tiền cơm, các khoản chi mang tính chất phúc lợi.

- Chi phí KHTSCĐ giảm 1.296.814.394 đồng, tỷ lệ giảm 3,39%

- Chi phí thuê TSCĐ giảm 2.673.368.718 đồng, tỷ lệ giảm 5,73% do chi phí lãi vay phải trả của Tổng công ty giảm nên chi phí thuê tài sản giảm.

- Chi phí gấn và thay ĐHN năm 2020 tăng so với năm 2019 là 4.121.674.444 đồng, tỷ lệ tăng 111,11%

- Chi phí CTTN giảm 2.090.975.032 đồng, tỷ lệ giảm 26,65% so với năm 2019

- Chi phí sửa bể năm 2020 tăng so với năm 2019 là 3.777.188.347 đồng, tỷ lệ tăng 142% do năm 2020 Công ty thuê đơn vị bên ngoài dò và sửa bể để kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước (cụ thể: năm 2020 Công ty đã thuê ngoài dò và sửa bể là 11.429.600.845 đồng, năm 2019 chi phí thuê ngoài là 6.195.835.069 đồng) làm tỷ lệ thất thoát nước giảm 3,8% so với năm 2019

- Chi phí khác năm 2020 giảm so với năm 2019 là 245.716.063 đồng, tỷ lệ giảm 15,41%

2. Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ năm 2020 giảm so với năm 2019 là 2.914.329.033 đồng, tỷ lệ giảm 18,47%. Chi phí cung cấp dịch vụ giảm tương ứng với phần doanh thu cung cấp dịch vụ giảm.

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	20.122.090.219	17.463.386.984	2.658.703.235	115,22%
Chi phí công cụ dụng cụ	582.024.942	621.279.947	(39.255.005)	93,68%
Chi phí khấu hao	1.817.918.358	780.506.178	1.037.412.180	232,92%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	2.378.587.667	1.896.504.349	482.083.318	125,42%
Cộng	24.900.621.186	20.761.677.458	4.138.943.728	119,94%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng năm 2020 tăng so với năm 2019, tăng 4.138.943.728 đồng, tỷ lệ tăng 119,94% chủ yếu do:

Chi phí nhân công tăng 2.658.703.235 đồng, tỷ lệ tăng 115,22% tăng chủ yếu do: do tiền lương thực hiện năm 2020 cao hơn tiền lương thực hiện năm 2019, tiền cơm và các khoản mang tính chất phúc lợi

Chi phí khấu hao tăng 1.037.412.180 đồng, tỷ lệ tăng 232,92%

Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác năm 2020 tăng 482.083.318 đồng, tỷ lệ tăng 125,42% do năm 2020 Công ty đã không thu tiền nước của khách hàng hộ nghèo và cận nghèo do ảnh hưởng của dịch COVID-19 theo CV số 1836/TCT-KDDVKH ngày 15/06/2020, nên Công ty đã hạch toán khoản phải thu vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	24.014.182.723	21.868.319.716	2.145.863.007	109,81%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
Chi phí công cụ dụng cụ	2.086.650.267	2.326.354.247	(239.703.980)	89,70%
Chi phí khấu hao	2.950.600.073	3.478.815.001	(528.214.928)	84,82%
Thuế, tiền thuê đất	1.183.468.800	1.183.468.800	-	100,00%
Phí chuyển tiền	141.686.909	240.309.367	(98.622.458)	58,96%
Dự phòng	1.449.955.155	1.113.628.459	336.326.696	130,20%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	17.586.364.811	13.769.309.487	3.817.055.324	127,72%
Cộng	49.412.908.738	43.980.205.077	5.432.703.661	112,35%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 tăng so với năm 2019 là 5.432.703.661 đồng, tỷ lệ tăng 112,35% do.

1. Chi phí nhân công tăng 2.145.863.007 đồng, tỷ lệ tăng 109,81%, do tiền lương thực hiện năm 2020 cao hơn tiền lương thực hiện năm 2019, tiền cơm và các khoản chi mang tính chất phúc lợi
2. Chi phí công cụ dụng cụ năm 2020 giảm so với năm 2019 là 239.703.980 đồng, tỷ lệ giảm 10,3%
3. Chi phí khấu hao năm 2020 giảm so với năm 2019 là 528.214.928 đồng, tỷ lệ giảm 15,18%
4. Phí chuyển tiền năm 2020 thấp hơn năm 2019 là 98.622.458 đồng, tỷ lệ giảm 41,04%
5. Chi phí dự phòng năm 2020 tăng 336.326.696 đồng so với năm 2019, tỷ lệ tăng 130,20%
6. Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác năm 2020 tăng 3.817.055.324 đồng, tỷ lệ tăng 127,72%, chi phí tăng chủ yếu do: cước điện thoại - internet, trợ cấp thôi việc, chi phí tham quan, trang bị điện thoại phục vụ cho công tác quản lý và các khoản chi mang tính chất phúc lợi khác.

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.277.904.505	4.714.522.239	1.563.382.266	133,16%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	42.724.955	49.851.308	(7.126.353)	85,70%
Cộng	6.320.629.460	4.764.373.547	1.556.255.913	132,66%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng năm 2020 tăng so với năm 2019 là 1.556.255.913 đồng, tỷ lệ tăng 132,66% do năm 2020 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn cao hơn năm 2019

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	3.207.047.809	2.827.285.938	379.761.871	113,43%
Cộng	3.207.047.809	2.827.285.938	379.761.871	113,43%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính năm 2020 tăng so với năm 2019 là 379.761.871 đồng, tỷ lệ tăng 113,43%.

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu nhập nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	-	24.830.636	(24.830.636)	
Thu hồ sơ mời thầu	2.400.000	909.091	1.490.909	264,00%
Thu tiền KH đầu tư ống cái		1.801.867.414	(1.801.867.414)	
Thanh lý TSCĐ	39.273.133	-	39.273.133	
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	40.450.000	15.468.000	24.982.000	261,51%
Phí BVMT 1% giữ lại	510.800.343	-	510.800.343	
Thu khác	111.362.820	4.653.953.637	(4.542.590.817)	2,39%
Cộng	704.286.296	6.497.028.778	(5.792.742.482)	10,84%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của năm 2020 thấp hơn năm 2019 là 5.792.742.482 đồng, tỷ lệ giảm 89,16% , thu nhập giảm chủ yếu do:

Thu tiền khách hàng đầu tư ống cái giảm 1.801.867.414 đồng so với năm 2019 do năm 2020 Công ty không hạch toán vào thu nhập khác mà hạch toán vào doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu khảo sát thiết kế đường ống năm 2020 tăng 24.982.000 đồng, tỷ lệ tăng 261,51%

Năm 2020 hạch toán phí bảo vệ môi trường 1% giữ lại là 510.800.343 đồng , được hạch toán vào thu nhập khác theo TT 53/2020 ngày 05 tháng 05 năm 2020

Thu khác năm 2020 giảm 4.542.590.817 đồng, tỷ lệ giảm 97,61%, do năm 2019 điều chỉnh tăng thu nhập khác theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước theo biên bản số 663/TB-KV IV ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí hồ sơ mời thầu	110.171.458	76.839.709	33.331.749	143,38%
Chi phí thanh lý tài sản cố định		29.301.895	(29.301.895)	0,00%
Phí BVMT	510.800.343	-	510.800.343	
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	8.000.000	2.003.278	5.996.722	399,35%
Chi phí đầu tư ống cái không hoàn lại	(79.625.303)	1.398.012.533	(1.477.637.836)	-5,70%
Phạt do nộp thuế chậm nộp		876.243.922	(876.243.922)	
Chi phí khác	52.282.982	932.837.902	(880.554.920)	5,60%
Cộng	601.629.480	3.315.239.239	(2.713.609.759)	18,15%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của năm 2020 giảm so với năm 2019 là 2.713.609.759 đồng, tỷ lệ giảm 81,85%, chi phí khác giảm chủ yếu do:

Năm 2020 thanh toán phí bảo vệ môi trường 510.800.343 đồng, năm 2019 không phát sinh chi phí này

Chi phí ống cái năm 2020 giảm so với năm 2019 là 1.477.637.836 đồng, do năm 2020 Công ty thay đổi cách hạch toán vào chi phí cung cấp dịch vụ, năm 2019 hạch toán vào chi phí khác

Năm 2020 không phát sinh khoản phí phạt do nộp thuế chậm nộp, năm 2019 phát sinh số tiền phạt do chậm nộp là 876.243.922 đồng (Theo biên bản thanh tra thuế năm 2016 và 2018, biên bản thanh tra của Đoàn KTNN năm 2017).

Chi phí khác năm 2020 giảm 880.554.920 đồng so với năm 2019, tỷ lệ giảm 94,4%, do năm 2019 phát sinh chi phí khấu hao của các công trình từ năm 2018 trở về trước

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN:	34.184.474.554	34.665.649.689	(481.175.135)	98,61%
Lợi nhuận trước Kiểm toán Nhà Nước:	34.184.474.554	30.289.507.539	3.894.967.015	112,86%
Chênh lệch tăng lợi nhuận sau Kiểm toán Nhà Nước	-	4.376.142.150	(4.376.142.150)	
Thuế TNDN:	7.398.478.818	10.691.929.758	(3.293.450.940)	69,20%
Thuế TNDN phải nộp	7.398.478.818	7.264.393.854	134.084.964	101,85%
Thuế TNDN phải nộp theo BB thanh tra thuế 2016,2018	-	2.552.307.474	(2.552.307.474)	
Thuế TNDN phải nộp theo BB KTNN 2019	-	875.228.430	(875.228.430)	
Thuế TNDN hoãn lại	(1.169.446.155)	(1.577.352.011)	407.905.856	74,14%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.955.441.891	25.551.071.942	2.404.369.949	109,41%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của năm 2020 là 34.184.474.554 đồng, giảm 481.175.135 đồng, tỷ lệ giảm 1,39% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 27.955.441.891 đồng, tăng 2.404.369.949 đồng, tỷ lệ tăng 109,41% so với năm 2019.

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LOAN

K/TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Quận 5, ngày 23 tháng 03 năm 2021



HIỂN TUẤN ANH